

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Văn Hứng**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Bà **Phạm Thị Thiện**

2/ Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thùy My** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ*** tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Dung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 522/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 904/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Hồng L**, sinh năm 1973 (***Đề nghị xét xử vắng mặt***).

ĐKTT: ấp N2A, xã N, huyện P, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: đường số 7, phường B, quận BT, Thành phố H.

Bị đơn: Ông **Bùi Đức T**, sinh năm 1979 (***Đề nghị xét xử vắng mặt***).

Địa chỉ: đường M, phường H, quận N, thành phố C.

Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam P, xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Mai Thị Hồng L trình bày: Bà và ông Bùi Đức T tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1996. Đến năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, thành phố Cần Thơ, tỉnh

Cần Thơ (cũ), nay là phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2000 ngày 07/8/2000. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không có sự đồng cảm chia sẻ cho nhau. Hiện tại, bà không còn tình cảm với ông Bùi Đức T, vợ chồng không còn mang lại hạnh phúc cho nhau để xây dựng một mái ấm gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, bà Mai Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Đức T.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Thanh V (giới tính: nữ, sinh ngày: 16/12/1997), đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2020, bị đơn ông Bùi Đức T trình bày:

+ Về hôn nhân: Thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Hồng L.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Thanh V (giới tính: nữ, sinh ngày: 16/12/1997), đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Mai Thị Hồng L và ông Bùi Đức T đã nghiêm trọng kéo dài nhiều năm, đời sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Thanh V (giới tính: nữ, sinh ngày: 16/12/1997). Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Mai Thị Hồng L và ông Bùi Đức T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn nên bà L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Mai Thị Hồng L và ông Bùi Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Theo bà Mai Thị Hồng L, bà và ông Bùi Đức T qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2000, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi nên đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bà cho rằng cả hai đã ly thân với nhau từ năm 2002 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, hiện tại bà xác nhận không còn tình cảm với ông T và mong muốn được ly hôn.

Qua buổi lấy lời khai của ông T ngày 25/12/2020 tại Trại giam Phước Hòa, ông cũng xác nhận đồng ý ly hôn với bà L. Điều này chứng tỏ giữa ông T và bà L đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc duy trì đời sống vợ chồng cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Hồng L theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung là Bùi Thanh V (giới tính: nữ, sinh ngày 16/12/1997), đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Mai Thị Hồng L trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Mai Thị Hồng L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Hồng L về việc ly hôn với ông Bùi Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Hồng L được ly hôn với ông Bùi Đức T.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Thanh V (giới tính: nữ, sinh ngày 16/12/1997), đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Hồng L chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp, theo biên lai thu số 002936 ngày 14/8/2020 thành án phí hôn nhân sơ thẩm phải chịu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Hứng